

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày: 25 - 02 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Điệp và ông Vũ Đức Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngụ Lê Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2025; đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 21 tháng 11 năm 2000, tại: tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn C và con bà: Hứa Thị P. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện E, có mặt tại phiên tòa.

2. Đàm Văn D (Tên gọi khác: Đàm Dương D1) - Sinh ngày 01 tháng 11 năm 1999, tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đàm Thanh T1 và con bà: Lý Thị L. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: có 01 tiền án, ngày 30/3/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, tại Bản án số 86/2022/HSST.

Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện E, có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Quốc K (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 03 tháng 01 năm 2002, tại: tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Không ổn định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn T2 và con bà: Nguyễn Thị Xuân T3. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện E, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T: Ông Nguyễn Đình Đ*, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn D: Ông Nguyễn Hữu H*, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đỗ Thị N*, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Văn D, Hoàng Văn T và Võ Quốc K có mối quan hệ bạn bè và đều là người sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 15/10/2024, khi T đang ở Bình Phước thì sử dụng điện thoại của mình gọi qua ứng dụng M hỏi D có mua ma túy về sử dụng không, T mang giúp về cho thì D đồng ý. Sau đó, D ra tiệm điện thoại Nguyễn P1 (chuyên làm dịch vụ chuyển tiền) nhờ chuyển qua tài khoản ngân hàng của T số tiền 1.700.000 đồng. Tối ngày 16/10/2024, T đi xe taxi đến khu vực cổng khu công nghiệp Đ, thuộc xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước gặp bạn là Ngân Văn N1 (sinh năm 1992, trú tại: thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa) mà T đã liên hệ qua ứng dụng Messenger nhờ N1 mua ma túy trước đó. T đưa cho N1 1.700.000 đồng, N1 đi gặp một người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch). Sau khi gặp, N1 quay lại đưa cho T 01 gói nylon bên trong có chứa chất rắn màu trắng rồi chờ T ra đón xe khách về bến xe huyện E. Sáng ngày 17/10/2024, T đến phòng trọ số 06, nhà trọ của bà Đỗ Thị N thuộc tổ dân phố T, thị trấn E, huyện E (do Hoàng Văn B, sinh năm 2000, trú tại: thôn C, xã C, huyện E là người thuê phòng) để tìm D đưa ma túy. Tại đây, D chia nhỏ toàn bộ số ma túy mà T mang về thành 17 gói với kích thước tương tự nhau, D đưa cho T 07 gói để trừ cho T 200.000 đồng trả tiền taxi đi mua ma túy và 600.000 đồng D mượn T trước đó (T không lấy tiền công hay hưởng lợi nào khác từ việc mua ma túy cho D); D giữ lại 10 gói để sử dụng. Sau đó, D nhờ Võ Quốc K (đang ở trong phòng trọ) cất giấu 09 gói, còn 01 gói D mang đi và sử dụng hết. Đến rạng sáng ngày 18/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E phát hiện bắt quả tang Võ Quốc K, thu giữ 08 gói nylon, bên trong có

chứa chất rắn màu trắng (còn 01 gói K đã tự sử dụng hết). Sau khi biết D bị bắt giữ, D và T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đầu thú về hành vi phạm tội của mình; T đã tự nguyện giao nộp 05 gói nylon, bên trong có chứa chất rắn màu trắng (còn 02 gói T đã tự sử dụng hết).

Kết luận giám định số 1711 ngày 25/10/2024 và 1733 ngày 30/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ: Chất rắn màu trắng, dạng tinh thể trong 08 gói nylon trong suốt là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 0,4356 gam. Chất rắn màu trắng, dạng tinh thể trong 05 gói nylon trong suốt là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 0,2579 gam.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 23/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, đã truy tố Hoàng Văn T, Đàm Văn D, Võ Quốc K về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn T, Đàm Văn D, Võ Quốc K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Đàm Văn D, Võ Quốc K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Đàm Văn D mức án tù 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù. Áp dụng khoản 4 Điều 66; Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Võ Quốc K mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy: 0,3974 gam ma túy, loại Methamphetamine mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật giám định ban đầu; 0,2209 gam ma túy, loại Methamphetamine mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật giám định ban đầu.

Đối với 01 điện thoại di động, hiệu Iphone XS Max, màu trắng của Hoàng Văn T là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, đã thu giữ trong quá trình điều tra, đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc điện thoại của Đàm Văn D sử dụng để liên lạc với Hoàng Văn T mua ma túy về sử dụng là do D mượn điện thoại của người khác, D không nhớ mượn của ai do điện thoại của D đã bị hỏng nên không thu giữ được.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T trình bày: Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp truy tố bị cáo T theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật nên về tội danh ông không có ý kiến gì mà chỉ phân tích các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để khi nghị án Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có nhân thân tốt; Là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật rất hạn chế; Tự nguyện ra đầu thú. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đã có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đàm Văn D trình bày: Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp truy tố bị cáo D theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật nên về tội danh ông không có ý kiến gì mà chỉ phân tích các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo để khi nghị án Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật rất hạn chế; tự nguyện ra đầu thú. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt bằng mức hình phạt khởi điểm mà Viện kiểm sát đề nghị. Về án phí: Bị cáo Đàm Văn D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo đã có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Đàm Văn D, Võ Quốc K không tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, với vật chứng thu giữ được, với bản kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở khẳng định: Ngày 15/10/2024, Hoàng Văn T khởi xướng, rủ rê Đàm Văn D mua ma túy về sử dụng, D đồng ý và đã chuyển cho T số tiền 1.700.000 đồng để mua ma túy. Đến ngày 18/10/2024, khi nhận được ma túy từ T, D chia ma túy thành 17 gói, D đưa cho T 07 gói (sau đó T sử dụng 02 gói), D lấy 01 gói để sử dụng, còn 09 gói Võ Quốc K đã giúp D cất giấu, K đã sử dụng 01 gói, còn 08 gói có khối lượng 0,4356 gam, loại Methamphetamine thì bị phát hiện bắt quả tang. Sau đó, Hoàng Văn T và Đàm Văn D đầu thú và T đã giao nộp 05 gói ma túy còn lại có khối lượng 0,2579 gam, loại Methamphetamine. Tổng khối lượng mà Hoàng Văn T và Đàm Văn D tàng trữ trái phép là 0,6935 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

1/ Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine, C1, M, A, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Đàm Văn D, Võ Quốc K theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến việc độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ra nhiều tệ nạn xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do nghiện ma túy nên các bị cáo đã cố tình phạm tội, vì vậy để đẩy lùi tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác cần phải xử phạt các bị cáo với mức án đủ nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội và cũng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có đủ điều kiện cải tạo thành người có ích cho xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc, phân công trước. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cũng cần đánh giá mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo để xem xét khi lượng hình cũng như để thể hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt.

[4] Đối với bị cáo Hoàng Văn T là người khởi xướng, rủ rê Đàm Văn D mua ma túy về để sử dụng. Bị cáo Đàm Văn D là người chuyển tiền cho T để mua ma túy; Đồng thời, bị cáo D đang có 01 tiền án ngày 30/3/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Hơn nữa, các bị cáo Hoàng Văn T và Đàm Văn D tàng trữ khối lượng ma túy lớn hơn bị cáo Võ Quốc K. Do đó, các bị cáo Hoàng Văn T và Đàm Văn D phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Võ Quốc K.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi phạm tội các bị cáo Hoàng Văn T, Đàm Văn D, Võ Quốc K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo Hoàng Văn T và Đàm Văn D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tự nguyện ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đàm Văn D phạm tội mới khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D được tha tù trước hạn có điều kiện nhưng trong thời gian thử thách bị cáo phạm tội mới, do đó căn cứ khoản 4 Điều 66 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt còn lại là 09 tháng 27 ngày tù tại Bản án số 86/2022/HS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 bản án.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân không mang mục đích vụ lợi, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,3974 gam ma túy, loại Methamphetamine mẫu vật còn lại sau giám định; 0,2209 gam ma túy, loại Methamphetamine mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật giám định ban đầu, không còn giá trị sử dụng, đã thu giữ trong quá trình điều tra là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại di động, hiệu Iphone XS Max, màu trắng của Hoàng Văn T là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, đã thu giữ trong quá trình điều tra, còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại của Đàm Văn D sử dụng để liên lạc với Hoàng Văn T mua ma túy về sử dụng là do D mượn điện thoại của người khác, D không nhớ mượn của ai do điện thoại của D đã bị hỏng nên không thu giữ được.

[6] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn T và Đàm Văn D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đơn xin miễn án phí, căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hoàng Văn T và Đàm Văn D là phù hợp.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Võ Quốc K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp.

[7] Hoàng Văn T liên hệ Ngân Văn N1 để nhờ mua ma túy, theo lời khai duy nhất của Hoàng Văn T Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã tiến hành điều tra, xác minh nhân thân lai lịch nhưng hiện nay Nghiêm không sinh sống ở địa phương, không xác định được N1 đang ở đâu. Ngày 14/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã ra quyết định truy tìm người, quyết định tách hành vi và tài liệu trong vụ án hình sự của Ngân Văn N1. Khi có căn cứ thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E sẽ xử lý sau.

[8] Đối với người đàn ông mà Ngân Văn N1 gặp để mua ma túy, đến nay không xác định được đặc điểm, nhân thân lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E không có căn cứ để xử lý.

[9] Đối với bà Đỗ Thị N cho Hoàng Văn B thuê phòng trọ, không biết việc các bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy trong phòng trọ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Đàm Văn D, Võ Quốc K phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T** 02 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/10/2024).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đàm Văn D** 02 năm 09 tháng tù. Căn cứ khoản 4 Điều 66 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt còn lại là 09 tháng 27 ngày tù tại Bản án số 86/2022/HS-ST ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm 06 tháng 27 ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/10/2024).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Võ Quốc K** 02 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/10/2024).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyen tịch thu tiêu hủy: 0,3974 gam ma túy, loại Methamphetamine mẫu vật còn lại sau giám định; 0,2209 gam ma túy, loại Methamphetamine và mẫu vật còn lại sau giám định và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật giám định ban đầu.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động, hiệu Iphone XS Max, màu trắng của Hoàng Văn T.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện E và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ea Súp ngày 12 tháng 02 năm 2025).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hoàng Văn T và Đàm Văn D.

Buộc bị cáo Võ Quốc K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS huyện Ea Súp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Hoài